



## Lưu Quang Vũ trong nền văn học Việt Nam hiện đại

Lưu Khánh Thọ<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup> Viện Văn học

\*Email: lktho2015@gmail.com

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

30/6/2018

Ngày duyệt đăng:

10/9/2018

Từ khoá:

Lưu Quang Vũ, sân khấu, văn học Việt Nam hiện đại, văn học Đổi mới.

### Tóm tắt

Bài viết phác họa sự nghiệp sáng tác văn học của tác giả Lưu Quang Vũ, điếm lại thành tựu ở các thể loại: Thơ, văn xuôi và tập trung nhấn mạnh vào thể loại kịch. Đi sâu phân tích đặc điểm kịch của Lưu Quang Vũ. Cho thấy một phong cách kịch Lưu Quang Vũ với những thành tựu to lớn trong nền sân khấu Việt Nam thế kỷ XX nói riêng và trong văn học thời kỳ Đổi mới nói chung. Qua đó nhằm khẳng định những đóng góp về nhiều mặt của nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch Lưu Quang Vũ đối với nền văn học Việt Nam hiện đại.

Lưu Quang Vũ nổi tiếng trên văn đàn từ khá sớm. 20 tuổi khi đang ở trong quân ngũ, tập thơ *Hương cây - Bếp lửa* (in cùng *Bảng Việt*) ra đời đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt vì những cảm xúc trong trẻo, thiêng liêng đầy tin cậy và một giọng điệu thơ đắm đuối. Ngay từ những bài thơ đầu tay, ông đã lọt vào mắt xanh của các nhà phê bình danh tiếng. Hoài Thanh với dự cảm tinh tường đã đánh giá là "một cây bút trẻ nhiều triển vọng". Lê Đình Kỵ bằng sự tinh tế của một nhà phê bình thơ tài hoa đã nhận xét rằng "thơ Lưu Quang Vũ có một điệu tâm hồn riêng". Những vần thơ đầu tay của Lưu Quang Vũ là tiếng nói tha thiết, gắn bó yêu thương với quê hương đất nước (*Đất nước mình tươi hoa đẹp nắng - Ta cùng gìn giữ phải không anh?*; *Thoảng mùi hoa thiên lý cửa nhà ai - Một tiếng chim khuya gọi mùa vải đỏ - nghe đất thờ luống cây hồn hậu lạ - Ta muốn thành hạt cốm uống hương đêm*). Giai đoạn về sau, vẫn tiếp tục dòng chảy ấy nhưng thơ Lưu Quang Vũ đã mang một âm điệu, một cách nhìn khác. Cùng với những cảm xúc cá nhân, cảm hứng dân tộc trong tiến trình lịch sử, những suy nghĩ về nhân dân, về đất nước đã làm giàu có và phong phú thêm cá tính thơ Lưu Quang Vũ (*Những ban mai xanh biếc tiếng đàn bầu - Bà hiền hậu têm trầu bên chõng nước - Em đi gặt trên cánh đồng cỏ tích - Lúa bàng hoàng chín rục những triền sông; Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết - Người qua đường*

*chung tiếng Việt cùng tôi - Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa - óng tre ngà và mềm mại như tơ*). Cùng với những năm tháng của đời mình, những thay đổi của đất nước, nhận thức của anh cũng có nhiều thay đổi. Những thay đổi ấy được thể hiện rõ nét trong hành trang thơ của Lưu Quang Vũ, từ bài thơ đầu tay cho đến những bài thơ cuối cùng. Sinh thời, Lưu Quang Vũ mới chỉ được in nửa tập thơ. Hai tập thơ *Mây trắng của đời tôi* (1989) và *Bầy ong trong đêm sâu* (1993) ra đời sau khi anh mất, đã phần nào làm rõ nét thêm bản sắc thơ Lưu Quang Vũ.

Đến với văn xuôi, Lưu Quang Vũ lại tiếp tục phát huy được thế mạnh của mình. Chất thơ thấm đẫm trên những trang truyện ngắn của anh. Những truyện ngắn đầu tay man mác tình quê hương, tình người, đánh thức trong tâm hồn người đọc những kỷ niệm xao xuyến của cuộc đời. Truyện ngắn *Thị trấn ven sông* của anh đã được giải ba cuộc thi truyện ngắn Báo *Văn nghệ* năm 1968. Sau này, cũng giống như ở thơ, truyện ngắn Lưu Quang Vũ lại có sự chuyển hướng. Lưu Quang Vũ trăn trở, suy tư trong một cảm hứng mới - cảm hứng công dân đầy trách nhiệm. Bên cạnh loại truyện ngắn mang đậm cảm xúc trữ tình. Lưu Quang Vũ đã có thêm những kiểu truyện khác: Truyện về tính cách và số phận ẩn chứa nhiều suy tư và triết lý. Khi nhận xét về truyện ngắn *Anh Thịnh* (in trong

tập *Mùa hè đang đến*) của Lưu Quang Vũ, nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: "Nếu một lúc nào đó, anh bỏ kịch và thơ đi hẳn vào văn xuôi, chắc là anh vẫn giữ cái ngòi bút chừng mực dung dị, và những truyện của anh chắc chắn sẽ có sức nặng hơn nhiều, và giới văn xuôi lại như giới kịch bây giờ, cứ ngỡ ra mà nhìn anh tung hoành..."

Lưu Quang Vũ làm thơ, viết truyện ngắn, viết báo, ở lĩnh vực nào anh cũng gặt hái được những thành công nhất định. Từ thơ và chất thơ trong văn xuôi, rồi từ chất văn xuôi của đời sống, đầu những năm 80, Lưu Quang Vũ đã chuyển sang một thể loại khác đó là kịch. Ở đó vẫn tiếp tục những nguồn mạch được khai mở từ khá sớm, nhưng Lưu Quang Vũ đã chín chắn hơn, tinh táo hơn. Anh đã được mến mộ, được coi là tác giả ăn khách và sung sức nhất. Kịch là nơi Lưu Quang Vũ có thể bộc lộ trực tiếp hơn những khám phá và nhận thức của anh, là nơi anh có thể đóng góp được một cách trực tiếp và tích cực hơn cho cuộc sống. Có nhà phê bình đã nói rằng: Lưu Quang Vũ làm thơ là để sống cho riêng mình và viết kịch là để sống cho mọi người.

Chọn cho mình con đường viết kịch, Lưu Quang Vũ đã tìm ra con đường ngắn nhất để đến với công chúng khán giả, để có dịp được bộc lộ những gì mình đang ấp ủ. Mỗi một vở kịch là một mặt cắt của hiện thực, ở đó hiện lên những số phận, những cảnh đời khác nhau. Có niềm vui, nỗi buồn, có khổ đau, hạnh phúc. Ngòi bút của anh khi đau đớn xót xa, lúc thâm trầm sâu lắng, khi mạnh mẽ đanh thép, lúc lại nghiệt ngã chua cay hoặc cao giọng phê phán. Anh gửi gắm trong đó những tâm tư, tình cảm, khát vọng, những trăn trở về tình yêu, hạnh phúc, những suy tư về lẽ sống, lẽ làm người, cả những dự cảm về sự sống và cái chết...

Trong khoảng thời gian gần 10 năm, Lưu Quang Vũ đã sáng tác được hơn 50 vở kịch, một khối lượng đồ sộ khiến nhiều người kinh ngạc. Anh được đánh giá là "nhà viết kịch xuất sắc của thời kỳ hiện đại". Trong lịch sử sân khấu nước ta, thời kỳ của Lưu Quang Vũ có lẽ là thời kỳ sôi động, giàu sức sống nhất, thu hút đông đảo người xem nhất. Những năm 80, kịch của Lưu Quang Vũ xuất hiện đã làm thay đổi tư duy của người biểu diễn cũng như của công chúng yêu sân khấu. Nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu phê bình đã đánh giá cao tài năng, tâm huyết và những đóng góp của Lưu Quang Vũ đối với nền sân khấu nói

riêng và với nền văn học nước nhà nói chung. Ông cũng là một trong những người tiên phong trong phong trào đổi mới văn hoá văn nghệ, dùng ngòi bút của mình góp phần đem lại những điều tốt đẹp cho cuộc sống.

Lưu Quang Vũ đã góp phần đem đến cho sân khấu những năm 80 của thế kỷ XX một sức sống mới. Lưu Quang Vũ đã kết hợp và phát huy được những thế mạnh của mình khi đến với loại hình nghệ thuật có tính chất tổng hợp như sân khấu. Kịch của Lưu Quang Vũ khai thác nhiều đề tài, đi vào khám phá muôn mặt của đời sống xã hội và con người. Căn cứ vào cốt truyện của kịch bản, có thể phân chia, sắp xếp kịch Lưu Quang Vũ ra làm nhiều loại:

- Loại dựa vào một số tích cũ của văn học dân gian rồi viết lại như: *Lời nói dối cuối cùng, Ông vua hoá hổ, Nàng Sita, Đám San, Đôi đũa kim giao, Hồn Trương Ba da hàng thịt, Linh hồn của đá...*

- Loại dựa vào một cốt truyện văn học để chuyển thành kịch như: *Hẹn ngày trở lại, Đôi dòng sữa mẹ, Chết cho điều chưa có, Muối mặn đời em, Đát sống của người...*

- Loại sáng tác về đề tài hiện đại: *Mùa hạ cuối cùng, Thủ phạm là ai, Cô gái đội mũ nồi xám, Tôi và chúng ta, Khoảnh khắc và vô tận, Hoa cúc xanh trên đầm lầy, Nguồn sáng trong đời, Lời thề thứ 9, Bệnh sĩ, Quyền được hạnh phúc, Điều không thể mất...* Đây là phần chủ yếu, là điểm mạnh và chiếm một số lượng khá lớn trong gia tài kịch mục đồ sộ của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ.

Hướng ngòi bút của mình về cuộc sống, kịch Lưu Quang Vũ đã góp một tiếng nói thiết thực vào công cuộc đổi mới đất nước. Anh đã chứng tỏ một sự nhạy cảm đặc biệt, một khả năng phát hiện, nắm bắt cái "lõi" của hiện thực để phản ánh. Ngòi bút của anh đã xông vào hầu hết mọi ngõ ngách của cuộc sống cũng như tâm hồn con người. Anh không hạn chế mình trong bất cứ loại đề tài nào, bởi ở đâu anh cũng phát hiện ra vấn đề để bàn luận, trao đổi. Trong kịch của anh có mặt nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực cuộc sống khác nhau. Từ đề tài Công nghiệp (*Tôi và chúng ta, Khoảnh khắc và vô tận, Quyền được hạnh phúc, Nếu anh không đốt lửa*) đến đề tài nông nghiệp (*Bệnh sĩ*). Từ ngành y tế (*Nguồn sáng trong đời, Vi khuẩn Hanxen*) đến ngành giáo dục (*Mùa hạ cuối cùng, Tin ở hoa hồng*) từ hậu phương đến tiền tuyến (*Lời thề thứ chín, Điều không thể mất*) từ chiến tranh đến hoà bình,

từ thành thị đến nông thôn... tất cả đều được hiện lên trong kịch Lưu Quang Vũ với một ý nghĩa xã hội sâu sắc. Kịch Lưu Quang Vũ là tiếng nói phản ánh cuộc sống đang diễn ra với một hiện thực tươi mới, gần gũi. Ông có khả năng biến những chi tiết đời thường thành những điển hình nghệ thuật để tăng thêm sự hấp dẫn cho tác phẩm.

Do vậy, sân khấu là nơi giúp ông thể hiện nhanh nhất tư tưởng, và những trăn trở của mình. Kịch Lưu Quang Vũ đi thẳng vào những vấn đề nóng bỏng nhất, tươi rói nhất. Các nhân vật như thể từ cuộc đời mà bước lên sân diễn. Sân khấu trở thành diễn đàn để trao đổi, bàn luận, giao lưu giữa tác giả và khán giả.

Trong số kịch bản của Lưu Quang Vũ, có hai trích đoạn được đưa vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông. Đó là vở *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (ở lớp 12) và *Tôi và chúng ta* (ở lớp 9).

Vở *Hồn Trương Ba da hàng thịt* được viết từ năm 1984 nhưng cho đến năm 1987, trong không khí đổi mới dân chủ, mới được ra mắt công chúng. Một cốt truyện dân gian quen thuộc, chẳng mấy ai tranh luận về ý nghĩa của truyện, vậy mà khi Lưu Quang Vũ đưa lên sân khấu, vở kịch không chỉ dừng lại ở những giá trị ban đầu mà nó còn đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ. Vở kịch không chỉ nói đến sự hoà hợp và ý thức đạo lý giữa phần hồn và phần xác mà còn đề cao cuộc đấu tranh cho sự hoàn thiện nhân cách con người. Qua những lời đối thoại ngắn gọn, súc tích, các nhân vật trong thế giới dân gian xưa cũ trở nên gần gũi, quen thuộc như đang cùng tham dự với cuộc sống đương đại của chúng ta. Vở kịch không chỉ đề cập đến chuyện của một thời mà còn đề cập đến chuyện của muôn đời. Đó là triết lý nhân sinh về lẽ sống, lẽ làm người. Những rắc rối đổ vỡ bắt nguồn từ sự sống vay mượn của Trương Ba trong xác anh hàng thịt đã khiến cho chúng ta thấy: Cuộc sống thật là đáng quý nhưng không phải sống thế nào cũng được. Sống vay mượn, chấp vá, không có sự hài hoà giữa hồn và xác chỉ đem lại bi kịch cho con người. Cuộc sống chỉ có giá trị khi con người được sống đúng là mình, được sống trong một thể thống nhất. Vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* không chỉ nói đến đời sống một cá nhân mà còn đặt ra những vấn đề của xã hội. Thái quan liêu, vô trách nhiệm của Nam Tào Bắc Đẩu đã tước đi mạng sống của người dân vô tội và gây nên bao nhiêu chuyện rắc rối. Sự sửa sai chấp vá của Đế Thích lại là tiền đề bất hạnh cho cuộc đời hồn nọ xác kia không

hoàn chỉnh của ông Trương Ba. Mọi sự sửa sai không đúng chỗ đều chứa trong nó nhiều bi kịch hơn là niềm vui. Quyết định vĩnh viễn từ bỏ cuộc sống vay mượn giả tạo của Trương Ba ở phần kết là một sự phản kháng mãnh liệt và đau đớn, ẩn dưới tầng sâu của vở kịch là một nỗi buồn nhân thế mênh mông.

Năm 1984 vở *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ đã gây được tiếng vang lớn, được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Với vở kịch này Lưu Quang Vũ đã mở đầu cho đề tài đổi mới trong cơ chế sản xuất và quản lý, góp một tiếng nói quan trọng vào cuộc đấu tranh chống tiêu cực, xây dựng hình tượng con người mới trong cơ chế mới. Vở kịch đã chứng tỏ một sự nhạy bén trong những vấn đề thời sự, tạo ra sự tranh luận sôi nổi, gay gắt về vấn đề đổi mới. Vở kịch là tiếng nói nghệ thuật về những điều mà mọi người đang trăn trở, những điều mà có những người can đảm đã nghĩ, đã làm và đã phải trả giá cho những việc làm đó. Lưu Quang Vũ đã công khai bảo vệ những tư tưởng mới, lối nghĩ mới, cách làm ăn năng động sáng tạo, đồng thời phê phán cơ chế quan liêu bao cấp trong lĩnh vực quản lý kinh tế và cả trong lĩnh vực tinh thần. Với vở kịch này Lưu Quang Vũ được coi là một trong những tác giả mở đầu cho đề tài đổi mới. Với *Tôi và chúng ta* Lưu Quang Vũ đã nói lên niềm khát khao của cả cộng đồng. "Như một hồi kèn khởi động cho cả đất nước bước vào thời kỳ mới mạnh mẽ và bão táp dưới ngọn cờ của Đảng" (Vũ Hà - Báo *Hà Nội mới*, 10-10-2000).

Trong nhiều vở kịch của mình Lưu Quang Vũ đã thể hiện tư tưởng triết lý Phương Đông sâu sắc. Đó là nỗi trăn trở về sự sống và cái chết. Có thể nói đây là tư tưởng xuyên suốt trong kịch của ông, nó chi phối những tư tưởng khác như ý tưởng về cái thiện, cái ác, về lòng tốt, về lẽ sống, lẽ làm người. Năm 18 tuổi chàng thanh niên Lưu Quang Vũ đã ghi những dòng nhật ký tràn đầy dự cảm lo âu về cuộc sống và cái chết: "Rất có thể một điều vô lý nào đó tới cắt đứt cuộc đời ta. Cái chết, ta không sợ nó nhưng nếu chết bây giờ thì uổng quá. Chưa làm được gì cả, ăn hại 17 năm thế rồi chết ư? Thần chết ơi, ta chẳng cần nhiều đâu. Độ 20 năm nữa, khi ta đã trả nợ xong, khi có thể coi là đã làm được chút gì đó cho đời, ta sẽ chẳng ân hận gì khi nhắm mắt". Và chính "tâm hồn anh dẫn vật cuộc đời anh", những dự cảm tưởng như mơ hồ ấy đã đeo đẳng ông suốt cả cuộc đời, như là một ám ảnh định mệnh.

Có thể nói kịch Lưu Quang Vũ đã bắt đúng mạch của cuộc sống, đáp ứng được những điều mọi người trần trờ, những tâm sự đau đớn của khán giả. Vì thế mà anh đã gặt hái rất nhiều thành công giữa lúc sân khấu đang “đói” những kịch bản hay theo sát cuộc sống đương thời. Kịch Lưu Quang Vũ là tiếng nói trẻ trung, dũng cảm trong phong trào đổi mới ở nước ta. Đó là kết quả của nhiệt tâm, sức lực, sự hiểu biết cuộc sống của người nghệ sĩ đồng thời cũng là kết quả của một tình yêu, của lòng say mê và khát vọng nghệ thuật. Trên đôi vai lực lưỡng của mình, Lưu Quang Vũ đã gánh đỡ cả một nhu cầu to lớn về kịch bản cho hàng chục đoàn kịch trong cả nước. Có thể nói Lưu Quang Vũ là nhà viết kịch sáng giá nhất trong những năm 80 của thế kỷ XX đầy biến động. Chính sự sáng suốt của lý trí và chất men say của thơ đã tạo nên những nét đặc sắc trong kịch của anh và làm nổi bật chân dung của một người nghệ sĩ tài năng, một hiện tượng độc đáo của nền văn học nghệ thuật nước nhà.

Chưa thể nói mọi tìm tòi, sáng tạo của Lưu Quang Vũ đều đạt tới độ toàn bích. Kịch của anh cũng có những hạn chế nhất định. Ở một số vở tính luận đề, thuyết giáo còn biểu hiện khá lộ liễu, ít nhiều còn mang tính sách vở, kinh viện. Anh viết nhiều, viết nhanh, khai thác nhiều đề tài khác nhau, đi vào nhiều lĩnh vực của cuộc sống, nhưng ông cũng bộc lộ một sự hạn chế về vốn sống nhất là ở một lĩnh vực cụ thể nào đó của đời sống xã hội. Tuy nhiên, những thành quả mà Lưu Quang Vũ để lại cho thấy một sự tìm tòi, một

quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc. Anh đã vượt lên mọi hoàn cảnh để kiếm tìm, thể nghiệm. Thành quả trong sáng tác văn học của ông được ghi nhận như một đóng góp xuất sắc cho nền văn học kịch Việt Nam. Phần đóng góp của ông đã được Nhà nước và nhân dân ghi nhận xứng đáng. Lưu Quang Vũ là tác giả trẻ tuổi nhất trong số những người được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh.

Trong những năm tháng ngắn ngủi của đời mình, Lưu Quang Vũ đã sống và làm việc hết mình như một bó đuốc rừng rực cháy. Những gì mà Lưu Quang Vũ đã làm được và để lại cho cuộc đời đủ khiến ông "sùng sùng như một trái núi, một lực sĩ không đổi thủ". Với Lưu Quang Vũ, cánh cửa đi vào tương lai đã đóng lại vào ngày 29-8-1988. Đang ở vào giai đoạn chín trong việc khám phá đời sống và sáng tạo nghệ thuật, Lưu Quang Vũ đã đột ngột ra đi, để lại bao dự định còn dang dở...

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Quang Vũ (2017), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Sân khấu, Hà Nội;
2. Vũ Hà - Ngô Thảo (1989), *Lưu Quang Vũ- một tài năng, một đời người*, Nxb Văn hóa - thông tin, H;
3. *Tổng tập văn học Việt Nam thế kỷ XX* (2007), Nxb Văn học;
4. Nhiều tác giả (1983- 1984), *Từ điển văn học*, Nxb KHXH, Hà Nội.

## Luu Quang Vu in Vietnamese modern literary

Luu Khanh Tho

### Article info

Received:  
30/6/2018  
Accepted:  
10/9/2018

### Keywords:

Luu Quang Vu, stage,  
modern Vietnamese  
literature, literature  
innovation.

### Abstract

The article depicts the literary creation of the author Luu Quang Vu, reviews achievements in the genre: Poetry, prose and focus on the type of drama. It analyzes the drama characteristics of Luu Quang Vu. It shows a dramatic style of Luu Quang Vu with great achievements in the stage of Vietnam in the twentieth century in particular and in the literature of the renaissance period in general to confirm the contribution of many writers, poet, playwright Luu Quang Vu for modern Vietnamese literature.



## Trật tự rừng xanh và những bài học cuộc sống dành cho con người trong sáng tác Vũ Hùng

Lê Thị Ngân<sup>a</sup> \*, Phạm Thị Luyến<sup>a</sup>

<sup>a</sup> Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên

\*Email: lengandhkhtn@gmail.com@gmail.com

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

04/7/2018

Ngày duyệt đăng:

10/9/2018

Từ khoá:

Nhà văn Vũ Hùng, truyện thiếu nhi, thế giới loài vật, thiên nhiên, trật tự rừng xanh.

### Tóm tắt

Trong văn học Việt Nam hiện đại, Vũ Hùng là một số ít những nhà văn cả đời theo đuổi mảng đề tài viết cho thiếu nhi. Cuộc sống và trật tự nơi rừng xanh được ông dựng lại một cách hấp dẫn, sinh động, chân thực và giàu liên tưởng. Người đọc tìm thấy trong những trang văn của ông về cộng đồng loài vật, những bài học về cách ứng xử cho chính xã hội loài người: sự tôn trọng mỗi cá thể theo sự hợp qui luật nhằm mục đích duy trì sự tồn tại của chính mình và dòng giống; sự thay đổi để thích nghi; mỗi loài đều có trách nhiệm giữ gìn sinh cảnh để duy trì cuộc sống của mình và đồng loại; sự hợp đàn và sự cứu giúp, cứu mang...

### Đặt vấn đề

Trong dòng văn học thiếu nhi, truyện viết về loài vật luôn là đề tài thu hút và gây ấn tượng mạnh mẽ đối với đối tượng bạn đọc trẻ thơ. Bởi, đó là một thế giới bí mật mà các em muốn khám phá, gần gũi, thân thuộc mà bí ẩn vô cùng. Trong số những nhà văn của thiếu nhi: Tô Hoài, Hồ Phương, Võ Quảng, Nguyễn Đình Thi, Tạ Duy Anh, Nguyễn Quang Thân, Lê Phương Liên, Trần Hoài Dương, Nguyễn Nhật Ánh... thì Vũ Hùng được coi là một trong những nhà văn thành công nhất về mảng đề tài này. Độc giả, nhất là độc giả nhỏ tuổi như thấy cả một thiên nhiên kì thú qua các tác phẩm của ông.

Mỗi trang văn viết cho thiếu nhi của nhà văn Vũ Hùng là một bài học quý giá để khơi gợi và phát huy những giá trị tốt đẹp trong tâm hồn trẻ thơ. Từ 1960 đến 1989, ông in 40 đầu sách tại nhiều nhà xuất bản (NXB) trong nước. Nhiều tác phẩm của ông được dịch ra tiếng Pháp, Anh, Nga, Trung Quốc... Cuốn sách đầu tay, *Mùa săn trên núi* do NXB Kim Đồng ấn hành năm 1960; *Sao Sao* (1982) và *Sống giữa bầy*

*voi* (1986) từng đoạt giải Văn học thiếu nhi. Tháng 8.2014, nhà văn Vũ Hùng đã ký kết bản quyền với NXB Kim Đồng về việc xuất bản hơn 30 tác phẩm, trong đó có nhiều tác phẩm được coi là kinh điển của văn học thiếu nhi Việt Nam như: *Mùa săn trên núi*, *Giữ lấy bầu mật*, *Con culi của tôi*, *Người quân tượng và con voi chiến sĩ*, *Sao Sao*, *Các bạn của Đam Đam*, *Sống giữa bầy voi*, *Chú ngựa đồng cỏ*, *Những kẻ lưu lạc*, *Con voi xa đàn*, *Vườn chim*, *Phượng hoàng đất*, *Biển bạc*...

Cuộc đời nhà văn Vũ Hùng đã có những ngày tháng tham gia chiến trường, chiến đấu ở đoàn quân Tình nguyện Việt Nam tại trung Lào. Thiên nhiên nước bạn đã cho ông những cảm quan đặc biệt về cuộc sống. Những cánh rừng mịt mù, đầy gai góc và chằng chịt dây leo, những cánh rừng phẳng xen lẫn những khoảng ruộng lúa nước, những nét đẹp của một nền văn hóa của một vùng đất cổ sơ, chưa bị các cuộc chiến tranh liên miên xâu xé, tàn phá đã khơi nguồn cảm hứng sáng tác cho Vũ Hùng rất nhiều. Những bài học triết lý cuộc sống qua những câu chuyện rừng

xanh qua những trang văn của ông có lẽ được hình thành từ những tháng ngày ở đây.

### Nội dung

Trong cuốn **Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới** (bản dịch của Lưu Kiếm Thanh và Phạm Hồng Thái- Nhà xuất bản Văn hoá 2001), đã đề cập đến lý thuyết về luật của tự nhiên của Aristotle. Ông cho rằng trong tự nhiên đã có sẵn những quy luật, luật lệ và công lý, và con người tốt nhất là phải soạn thảo những quy luật tuân theo luân lý của tự nhiên. Mặc dù ông cho rằng một xã hội chính trị hoàn hảo có thể không cần đến pháp luật, nhưng nếu cần đến pháp luật thì pháp luật tự nhiên sẽ là pháp luật tốt nhất.

Học thuyết luật tự nhiên được tiếp tục phát triển trong bối cảnh Ki-tô giáo bởi Thánh Thomas Aquinas. Ông gắn quan điểm về luật tự nhiên với Thiên chúa giáo. Theo ông, luật có bốn loại: Ý Chúa, Luật tự nhiên, Luật của con người. Luật thiêng liêng St Thomas Aquinas cho rằng Luật ý Chúa là luật có giá trị cao nhất, quyết định sự tồn tại của vạn vật. Luật Tự nhiên là sự tham gia của con người vào Luật ý Chúa. Do vậy, Luật Tự nhiên phải tuân thủ theo nguyên tắc: cái xấu phải tránh, cái tốt phải được thực hiện. Luật của con người là sự áp dụng Luật Tự nhiên của các Chính phủ vào Xã hội. Luật Thiêng liêng là những gì được ghi ở Kinh Thánh.

Về luật học, luật của tự nhiên là một loại hình luật theo nguyên tắc sự vật như nó có vì nó vốn như thế. Loại hình luật này phổ biến ở Scotland, nơi *luật của tự nhiên* là một loại luật tồn tại bên cạnh luật dân sự và hình sự và các cuộc tranh luận về loại luật này không chỉ giới hạn ở loài người.

Trong triết học, nhất là ở các nước theo truyền thống luật Anh-Mỹ, nguyên tắc luật của tự nhiên được đề cập một cách hàm ý hay công khai chỉ trong các văn kiện như Magna Cartavà Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ, khi các quyền được đề cập một cách ám chỉ hay rõ ràng trong các văn kiện trên là thuộc tính vốn có của con người. Ví dụ, trích dẫn từ Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ: "...tất cả con người sinh ra đều bình đẳng, Tạo hóa đã cho họ những Quyền..." nêu rõ quyền này là thuộc tính luôn có của con người. Vũ Hùng cho rằng: "*Cuộc sống nào cũng có những luật lệ riêng. Cuộc sống trong rừng cũng vậy. Do lấy những nền tảng của xã hội loài người làm thước đo để suy đoán, lâu nay người ta vẫn cho luật rừng là luật lệ tàn khốc*

*của sự hỗn độn, của cuộc giành giật để sinh tồn, một cuộc đấu tranh quyết liệt đến mức không dung tha để giành lấy khoảng không gian và những ưu thế tồn tại, thú dữ ăn thịt thú lành, thú lớn lột át và tiêu diệt thú bé"*[19;15]. Con người dựa vào những suy đoán chủ quan của mình để áp đặt lên thiên nhiên những suy nghĩ có phần hơi tiêu cực, "*người ta quen coi luật rừng là luật của sức mạnh*". Nhưng, luật rừng không hẳn như thế. Sự cạnh tranh sinh tồn là một đặc tính của rừng xanh nhưng bên cạnh đó còn có những khía cạnh, đặc tính khác đã được nhà văn Vũ Hùng nhìn nhận theo góc độ văn chương và khoa học của mình khi nghiên cứu về loài vật.

### 1. Luật rừng là sự tôn trọng mỗi cá thể theo sự hợp qui luật nhằm mục đích duy trì sự tồn tại của chính mình và dòng giống

Mỗi loài vật có một cuộc sống riêng. Vũ Hùng đã rất thành công khi dựng lại một cách sinh động cuộc sống của loài vật với nền kiến thức sâu và phong phú. Nhà văn dựng những bức chân dung, mang đặc điểm riêng độc đáo của loài. Tê giác- loài vật cổ sơ và cô độc- lang thang đi tìm bầy đàn của mình ở khắp nơi để duy trì giống nòi. "*Nó đi suốt đêm, đuổi theo cái bóng của đồng loại không bao giờ tìm thấy, vừa đi vừa kiếm ăn, sáng ở đâu thì tìm một chỗ rậm rạp để giấu mình ở đó rồi tới đến lại lên đường*" [19;29]. Hồ- loài hắc ám trong rừng, uyển chuyển, nhanh nhẹn, mạnh mẽ và hùng tráng: "*Nó có cặp mắt xuyên bóng đêm, thấy rõ con người trong những căn nhà đã tắt lửa. Cặp mắt ấy co sức thôi miên, nhìn con vật nào thì con vật ấy không đủ can đảm và sức lực để chạy trốn. Tai hồ tinh tường, nghe rõ những bàn định của thợ săn, dù nó đang ở rất xa trong rừng*"[19;45]. Chó sói- nổi ám ảnh đối với các loài thú lành: "*Trên Trường Sơn, chó sói hợp thành bầy, bầy nhỏ ba bốn con, bầy lớn mười con. Chúng sống phân tán trong những hang hốc tối tăm, ban ngày ngủ, ban đêm hợp đàn đi kiếm mồi. Trông chúng xấu xí, bộ lông màu xám hoặc màu vàng rom lúc nào cũng khô xác và lốm chớm. Chúng có cặp mắt nảy lửa và tiếng tru gọi săn đầy uy lực.*" [19; 52]

Trong truyện **Bí ẩn của rừng già**, người đọc thêm yêu hơn loài hươu nai khi biết thêm những hiểu biết về cuộc sống của chúng. Hươu nai vốn là những con vật hiền lành và cam đảm. Chúng làm tổ và ẩn náu trong những bờ lau, bản năng sinh tồn đã khiến chúng chọn bờ lau là nơi để tránh kẻ thù. "*Đường vào ổ bừa*

bọn lá khô, không một kẻ thù nào đến gần mà chúng lại không biết trước để phóng chạy” [19; 12]. Chúng cũng thường sống ở gần vùng đầm lầy với đặc tính bơi lội giỏi và không ngần ngại đánh bại lũ chó săn. Khi chú nai con ra đời được chừng mười tháng, cặp gạc đầu tiên bắt đầu mọc: “Mầm non của cặp gạc gây cho chú nai biết bao đau đớn. Nó óm khặc khừ. Nó tìm vào một nơi tĩnh vắng, nằm phục trên một nệm lá, chờ cho cặp gạc trồi ra. Cuối cùng, sau cơn đau đớn, ở hai bên trán của chú nai con mọc ra hai chiếc sừng non. Người ta gọi chúng là nhung vì chúng được bọc trong một lớp da lông mịn như nhung. Cặp nhung thường chia nhánh và rắn lại thành đôi gạc. Chú nai con trưởng thành” [19; 15]. Nhờ đôi gạc, chúng có khả năng tự bảo vệ mình khỏi thú dữ đồng thời kiếm ăn một cách dễ dàng. Một loại khác trong bầy Hươu nai là bọn Cà tong, chúng là những con vật thanh mảnh và có bốn cẳng chân nhẹ tênh. “Khi mới ra đời, chúng mặc một bộ áo vàng chi chít những đốm tiền trắng. Năm tháng qua đi, những đốm trắng ấy bay dần như sao đêm rời khỏi bầu trời buổi sớm và khi chúng bay hết thì con thú bước vào tuổi trưởng thành. Cà tong sống ở những trảng cỏ xa vắng nên ít gặp người, chúng rất vụng dại” [19; 14]. Sự miêu tả những đốm đầu để có cặp nhung, sự chuyển màu lông của hươu nai theo từng giai đoạn trưởng thành của Vũ Hùng đã cho người đọc những kiến thức khoa học hấp dẫn.

Qua các tác phẩm của nhà văn Vũ Hùng, cuộc sống và bản năng sinh tồn của loài vật được hiện lên rất sống động. Hình ảnh của chú ngựa Antai trong truyện **Chú ngựa đồng cỏ** đang ở vùng thảo nguyên Mông Cổ là một ví dụ. Đó là một chú ngựa sinh ra trên một đồng cỏ thuộc miền Nam nước Mông Cổ, kéo dài từ chân núi Antai cửa ngõ của sa mạc Gôbi. Đây là vùng thiên nhiên khắc nghiệt của thế giới. Mùa hè nóng bức và gió bụi, cây cối khô cằn; Mùa đông lạnh lẽo, ẩm đậm và bị tuyết phủ kín; Mùa thu đẹp đẽ, trong sáng nhưng ngắn ngủi; Mùa xuân gió lốc, tuyết tan, bão tuyết và lụt lội nặng nề. Thiên nhiên khắc nghiệt như vậy nhưng vẫn là nơi nuôi sống Antai cùng bầy đàn của mình. Nhà văn Vũ Hùng đã miêu tả chi tiết về đặc điểm của Antai: “Loài ngựa của tôi khảnh ăn, nhạt từng nhánh cỏ non, đi lướt ở phía trước. Theo sau chúng tôi là những bầy dê: họ vốn nhanh nhẹn, thiên nhiên cũng đã phú cho họ những cẳng chân nhẹ tênh, chẳng khác gì loài ngựa. Tiếp sau đó đến các bác bò yak lực lưỡng, mang bộ lông rậm rịt, lòa xòa.

Cuối cùng là những đàn lạc đà và những đàn cừu chậm chạp. Họ làm lùi, kiên nhẫn nhặt nhạnh những cọng cỏ còn vương lại và khi bầy đàn chúng tôi lướt qua, cỏ của một vùng đã bị gặm trụi, phải mất nhiều tháng sau mới mọc lại [5; 15]. Chỉ bằng một đoạn văn ngắn, độc giả đã hiểu được cách thức kiếm ăn của một cộng đồng loài vật: ngựa, bò yak, lạc đà, dê, cừu... trên một vùng thảo nguyên rộng lớn. Chúng chia sẻ với nhau chút thức ăn ít ỏi trên thảo nguyên với đặc tính riêng của từng loài.

Xung quanh chú ngựa Antai không chỉ có bầy đàn của nó mà còn có rất nhiều các loài động vật khác. Độc giả có thể hình dung ra hình ảnh và cuộc sống của từng loài “các bác bò yak với những tấm áo lòa xòa màu đen hoặc nâu sẫm, đàn lạc đà đứng cao lêu nghêu với những chiếc bướu to phồng trên lưng, dê và cừu chen chúc ở phía dưới” [5; 22]. Những chú ngựa non được sinh ra bị ẩm ướt và rét mướt làm cho yếu đuối. Còn những con bò yak mới sinh “nhờ có bộ lông dày nên không thấy rét, đứng vững trên những cặp chân ngắn, đang thở phì phì. Họ có dáng dữ tợn ngay từ thuở lọt lòng. Bọn lạc đà con, cao lêu nghêu như bố mẹ họ, trông chẳng cân đối chút nào: chân và cổ họ quá dài nhưng mình lại quá ngắn và bụng sớm to tròn. Đó là một đặc điểm bẩm sinh: họ cần chứa nhiều cỏ trong mùa hè để sản xuất nhiều mỡ dành cho mùa đông...Họ có cặp mắt rất đen và rất lớn, nhìn đâu thì đăm đăm, lộ bao vẻ ngơ ngác, rụt rè...” [5; 22].

Điều đáng để con người suy ngẫm khi tìm hiểu luật rừng xanh là, mỗi loài có một cuộc sống riêng, chúng tôn trọng nhau để cùng tồn tại. “Loài thú không có máu anh hùng, không bị ngoại cảnh kích động. Kể cả những loài có sức mạnh nhất bao giờ cũng muốn nhìn thấy kẻ khác nhưng lại không muốn kẻ khác nhìn thấy mình. Vì thế không khi nào chúng gây gổ vô ích để lộ sự có mặt của chúng” [19; 58]. Điều này dường như khác so với loài người. Loài người thường thích gây chú ý và hiếu chiến. Dù yếu hay mạnh, họ rất muốn tỏ ra là mình quan trọng. Nhiều khi sự nguy hiểm đến với con người chính ở sự hay khoe mình như thế. Với rừng xanh, đến chúa sơn lâm cũng thận trọng khi đối đầu với những loài khác: “Nó không bao giờ ý vào sức mạnh để cho phép mình là những việc mù quáng, nó lảng tránh bầy voi, lảng tránh những con báo, lảng tránh cả con người và chỉ nhận sự đối đầu trong trường hợp bất buộc” [19; 46]. Sự khôn ngoan giúp các loài động vật tránh được những tổn thất đáng

kẻ. Nếu sự gây gổ là vô ích, chúng sẽ luôn tránh xa để bảo toàn tính mạng và bảo vệ bầy đàn của mình. Rơi vào trường hợp bất buộc, chúng mới đối đầu.

Bên cạnh đó, trong rừng không có những cuộc chiến tranh cùng loài như trong xã hội loài người”[19;58]. Không có cảnh huynh đệ tương tàn, nôi da nấu thịt. “Một bầy voi không bao giờ đánh nhau với một bầy voi. Một gia đình cạp (cạp sống đơn độc nhưng mùa sinh sản thì sống thành từng gia đình) không bao giờ xung đột với một gia đình cạp khác”[19;58]. Có tranh giành, có đối đầu trong loài, nhưng chỉ là giành thứ bậc hoặc con cái. “Ngay trong con giận dữ, do bản năng bảo tồn dòng giống, chúng biết khi nào thì nên thôi. Khi hai con cạp đánh nhau – chúng không bao giờ đánh nhau để tranh mồi mà chỉ để tranh giành con cái – chỉ một lúc sau con yếu sẽ nhả ra ngoài vòng chiến, nằm rạp xuống để tỏ ý khuất phục, lập tức con mạnh hơn sẽ ngừng lại và bỏ đi. Khi hai con voi đọ sức để tranh giành thứ bậc trong bầy cũng vậy. Con yếu thế sẽ lùi bước, buông thông vòi. Đó là dấu hiệu đầu hàng, con mạnh hơn thấy dấu hiệu đó sẽ ngừng lại” [19;59].

Sự khôn ngoan của thú rừng xanh còn thể hiện ở chỗ đánh giá đúng con người: “Một con hổ đang độ dồi dào sức lực, có thể kiếm đủ mồi trong các đàn thú hoang, luôn luôn tuân theo một quy luật đã hình thành trong rừng là xa lánh con người, không đụng chạm đến những gì thuộc về con người. Những con hổ như vậy thường được thợ săn để yên. Họ nghĩ rằng nó cũng có quyền được tồn tại như bất cứ thú rừng nào khác, miễn nó không làm điều gì có hại đến họ”[19;46].

Những trang viết của Vũ Hùng đã cho chúng ta thấy, thế giới loài vật là sự khôn ngoan đến triệt để để duy trì sự tồn tại. Chúng hiểu rằng, đánh nhau trong cùng bầy sẽ là mối nguy hại đến sự tồn tại của tất cả. Sự tồn tại của mỗi cá thể trong bầy là tổng thể cho bầy đàn phát triển, sinh tồn. Trong tự nhiên, thiên địch là điều tất yếu cần phải có. Nhưng chúng không tận diệt, cũng không gây gổ vô ích mà luôn tìm đường tránh nếu thấy không cần phải đối đầu.

## 2. Luật rừng là sự thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh sống

Hoàn cảnh sống tác động trực tiếp đến lối sống và thói quen của loài vật nhưng bằng sự khôn ngoan của mình, chúng biết khi nào nên thay đổi và thích nghi.

Nhà văn Vũ Hùng đã dẫn ra rằng: “Từ trước thập niên của thế kỷ XX - một thợ săn già từng nói lại – các bầy voi trên Trường Sơn vẫn có thói quen giống trâu bò rừng khi ngủ đêm. Chúng hợp thành vòng tròn, bên trong là voi con, voi mẹ và voi già yếu, bên ngoài là voi đực. Hồi đó voi cũng bị săn lùng – đôi ngà của chúng đối với thợ săn là cả một tài sản – nhưng bằng ngon lao và chiếc nỏ, thợ săn không tiêu diệt được bao nhiêu. Từ khi trong rừng xuất hiện những người đi săn mang cây súng khác. Họ có thể dễ dàng giết chết một con voi ở khoảng cách rất xa, xa gấp bốn năm tầm tên của người thợ săn bản địa. Lũ voi đực càng bị săn lùng ráo riết và chẳng bao lâu sau mỗi bầy voi chỉ còn vài ba con đực. Các bầy bắt buộc phải thay đổi tập tính để bảo tồn dòng giống. Ngày nay những người đi rừng đều nhận thấy thói quen cũ của các bầy voi đã biến đổi. Ban đêm chúng vẫn hợp thành vòng tròn nhưng ở bên trong đáng lẽ là lũ voi con và voi mẹ thì bây giờ là những con voi đực cuối cùng của bầy. Khi gặp nguy hiểm voi cái sẽ xông ra chặn đường cho chúng chạy trốn. Bây giờ muốn săn voi đực phải đi vào giữa bầy voi. Điều đó không người thợ săn đơn độc nào dám làm và cũng không người thợ săn nào làm nổi”[19;60].

Những chú ngựa đồng cỏ, khi bị chuyển từ môi trường sống thảo nguyên tự do đến không gian hẹp của những chiếc lồng sắt đã mất một khoảng thời gian nhất định để làm quen và thay đổi. Từ đám lông dài thướt để chắn gió, chắn tuyết ở vùng thảo nguyên khắc nghiệt, chúng đã ngắn đi và thưa lại ở vùng nhiệt đới. “Đến vụ thay lông, đám lông che tuyết lướt thướt tự nó mọc thưa và ngắn lại cho hợp với khí hậu” [5;94]. Có thể thấy, tùy điều kiện và hoàn cảnh sống, loài vật sử dụng sự khôn ngoan của mình để thay đổi tập tính và thích ứng để tồn tại và bảo tồn giống loài. Loài vật thay đổi tập tính và thói quen sinh hoạt theo sự thay đổi của môi trường sống.

Những cuộc di cư mang ý nghĩa sống còn của loài vật. Nó liên quan đến khí hậu địa phương, tính sẵn có của thức ăn, các mùa trong năm hoặc vì lý do giao phối. Có những cuộc di cư cá thể, di cư bộ phận hoặc di cư toàn bộ.

Trong truyện ngắn **Sao Sao**, tác giả đã hình dung ra lý do của những cuộc di cư của loài hươu. Trước kia, ở làng Hươu thật sung túc, thức ăn dồi dào “ra khỏi nhà một bước đã thấy thức ăn, nước



uống”[10;9]. Nhưng do sinh đẻ quá nhiều, thức ăn ngày càng trở nên khan hiếm. Và làng hươu đã có một luật lệ, các chàng hươu trưởng thành sẽ đi khám phá và tìm kiếm những vùng đất mới tốt hơn để dời làng. Đó là những chàng hươu can đảm và dũng cảm.

Khi hươu Sao và Nai bông quyết định lên đường tìm miền đất mới, cả làng hươu tiễn Hươu Sao và Nai Bông lên đường với những lời dặn dò bịn rịn. “Đến ngọn đồi cuối cùng, Hươu Sao và Nai Bông chậm bước. Trèo lên một tảng đá, họ bâng khuâng quay nhìn quê hương. Trời mây bao la. Cánh đồng rộng đóa úa một màu cỏ héo. Đồi tranh nơi họ cất giấu những cặp gạc đã rụng, vàng hoe vì nắng hun” [10;11]. Lòng hai chú hươu se lại, họ lưu luyến quê hương và gia đình. Đồi bạn cùng lên đường. Cảnh vật vui tươi hiện ra trên đường khiến họ vui nhẹ nỗi nhớ thương. Họ gặp rất nhiều loài vật trên hành trình của mình. Đó là Hươu Xạ, gia đình chồn Gio, gia đình hoẵng Nâu... và những trở ngại, khó khăn, thử thách: “Lối lên núi chưa từng có ai qua lại. Dây leo và gai góc mọc kín đường... Đến chiều, “khi đến chỗ ngủ, lưng họ đầy vết xước và đôi chân họ sưng phồng, rớm máu” [10;25]. Có những đoạn đường, thành núi dựng đứng, hai chàng hươu không nản lòng mà tìm mọi cách để vượt qua, họ leo dần leo dần cho tới đỉnh núi, nhưng hết dãy núi này đến dãy núi khác nối tiếp nhau. Qua mùa hạ, qua cả mùa thu, đến mùa đông, nước bám trên dây leo đã đông thành băng, gió bắc thổi hun hút, hai chàng hươu vẫn đi. Những mối hiểm nguy luôn rình rập... Và, khi gặp Cọp Vằn, Nai Bông “đã dành con đường để chạy cho bạn. Còn nó, nó rẽ vào một ngã đường rậm rạp....” [10;28], chấp nhận cái chết để bạn được sống. Cuối cùng, sau bao nhiêu nỗ lực, Hươu Sao đã tìm được một vùng đất mới, đủ lượng thức ăn và điều kiện sống bầy đàn của mình. Cuộc sống mới đánh đổi bằng rất nhiều thứ trong đó có mạng sống của những kẻ đi tìm đất mới.

### **3. Luật rừng là mỗi loài đều có trách nhiệm giữ gìn sinh cảnh để duy trì cuộc sống của mình và đồng loại**

Sinh cảnh là môi trường tự nhiên mà các sinh vật sinh sống. Bản thân loài vật sống trong sinh cảnh nhưng với bản năng sinh tồn của mình, chúng sử dụng sinh cảnh nhưng cũng biết giữ gìn sinh cảnh – môi trường giúp chúng tồn tại và phát triển: “Không con thú nào tàn phá môi trường nó sống. Hãy thả một con

hổ hoặc một con báo vào một đàn hươu nai. Chúng sẽ chỉ giết một con mồi và chừng nào chưa ăn hết thức ăn chúng sẽ không giết thêm con mồi khác. Bản năng giữ gìn sinh cảnh tồn tại ngay cả ở những bầy thú ghê gớm như lũ chồn ma. Chừng nào còn thức ăn chúng không bao giờ săn đuổi con mồi khác...”[19;60]; “Mồi săn của hổ thường là hươu nai, lợn rừng... với những con mồi lớn như vậy, hổ phải ăn nhiều lần mới hết. Sau khi ăn no, nó biết cách cất chỗ mồi còn lại, không chịu để mất một mẩu cho lũ sói rừng và bầy quạ diều. Hổ thường tha mồi đến một quãng suối sâu, một đầm lầy, ăn xong vừa có nước uống vừa có chỗ giấu mồi. Nó quẳng mồi xuống nước và bữa sau trở lại vẫn chỗ thịt ăn dở lên bờ”[19;46]. Đó chính là biểu hiện cho sự khôn ngoan của các loài động vật. Khi còn thức ăn, loài vật sẽ không giết hại thêm con mồi. Vì thức ăn dư thừa sẽ chôn cất vừa phá hủy môi trường sống, vừa gây suy giảm nguồn thức ăn khiến cho loài vật tự làm hại mình. Điều này, con người đang phải học lại.

### **4. Luật rừng là sự hợp đàn và sự cứu giúp, cứu mang**

Trong thế giới loài vật, chúng phân thành hai cấp: Loài yếu thế và loài mạnh. Những con vật yếu thế và thiếu phương tiện tự vệ không bao giờ sống đơn độc. Chúng sẽ hợp lại thành từng bầy và bầy đàn sẽ giúp chúng sống an toàn hơn. Một con nai sẽ sống mạnh mẽ và lợi thế hơn trong một bầy nai. Chúng sẽ nương tựa vào nhau để phát hiện kẻ thù và trốn chạy kẻ thù. Bầy đàn giúp các thành viên trong đàn cùng nhau sinh tồn.

Luật rừng không chỉ là kẻ nào mạnh kẻ ấy thắng, mà còn là sự giúp đỡ, tương trợ nhau cũng sinh tồn. “Con nai non lạc bầy khi đêm xuống có thể dễ dàng tìm nơi ẩn náu an toàn trong một bầy trâu hoặc bò rừng. Bầy ấy sẽ để mặc nó ngủ ở vòng trong, nơi dành cho lũ nghé và bê non và sớm mai, khi nguy cơ bị tiêu diệt đã hết, con nai sẽ lững thững tìm về với bầy đàn của nó. Cheo cheo là con vật yếu ớt, không có vũ khí để phòng thân. Nó rất nhiều kẻ thù, gồm: Chồn ma, sói, mèo rừng, hổ, báo... Gặp kẻ thù nó run lên, chân khụy xuống. Nó chỉ biết nằm run rẩy chờ chết. Vậy mà loài cheo cheo không bị tiêu diệt. Ta đã biết, nó có những kẻ bảo trợ đặc lực là bọn bò tót”[19;62]. Chúng ta thường thấy bên cạnh bầy bò tót thường có vài ba chú cheo cheo. Cheo cheo có họ hàng với hươu nai nhưng bé nhỏ và yếu ớt. Chúng không có sừng để

chống cự kẻ thù cũng không có đôi chân chạy nhanh để thoát hiểm, chúng chỉ có duy nhất là những chiếc nanh nhọn chi để gặm mềnh: “*Cheo cheo biết mình yếu ớt cần nơi nương tựa. Bàn năng của chúng mách bảo, quanh những rùng tre nửa nơi chúng sinh sống giang sơn của bọn bò tót là yên ổn nhất. Ở càng gần nơi bò tót ngủ đêm thì càng yên ổn. Sự có mặt của chúng không làm cho bọn bò tót phiền lòng. Chúng được chấp nhận*” [19;27]. Hay như trâu rừng, loài vật có tinh thần hợp bầy và tinh thần cảnh giác cao được là chỗ dựa của những con thú ăn cỏ yếu ớt: “*Ban ngày, bọn thú nhỏ đó ngủ trong những hang ổ bí mật, ban đêm đến kiếm ăn gần bầy trâu. Thấy hơi thú dữ, khi bầy trâu đồng loạt đứng lên trong tư thế phòng ngự, bọn thú nhỏ không ngần ngại gì mà không lên vào giữ vòng tròn, run rẩy đứng lẫn trong đám nghé non. Bầy trâu hào hiệp không bao giờ xua đuổi chúng*” [19;28]. Loài voi cũng là những con vật hào hiệp, chúng hay che chở cho các loài động vật yếu thế khác: “*Mỗi năm khi mùa mưa đến, bầy voi lại trở về đồng cỏ và các bầy thú ở đó lại được sống một thời kì an toàn. Đêm đêm khi đã ăn no chúng thường kéo đến gần chỗ bầy voi ngủ, nương bóng những con vật to lớn này. Sự có mặt không làm bầy voi khó chịu. Chúng được chấp nhận và bầy voi vui lòng làm nhiệm vụ bảo trợ*” [19;50]. Với sức mạnh vốn có của các loài động vật lớn, chúng che chở và giúp đỡ những loài yếu đuối hơn. Sự có mặt của những loài yếu không làm chúng khó chịu. Nghĩa là chúng chấp nhận cho loài yếu nương tựa vào mình để tránh kẻ thù. Chưa bao giờ chúng xua đuổi các loài yếu có thiện chí muốn giúp đỡ. Có phải đây là sự hài hòa giữa các quần thể sống trong cùng một môi trường sống. Cạnh tranh để tồn tại, hài hòa cũng để tồn tại. Các loài vật sẽ tự biết với loài nào thì cạnh tranh, loài nào thì hòa hợp. Chính bởi thế mà sinh cảnh được giữ, môi trường được cân bằng.

Nhưng không chỉ có loài yếu dựa vào kẻ mạnh. Mà có những trường hợp kẻ mạnh có sức mạnh lại nhờ sự giúp đỡ của những loài bé nhỏ để có cuộc sống như ý. Tình bạn của tê giác già với lũ sáo sậu là một ví dụ. Con tê giác già bị lũ bọ ve, bọ mắt hành hạ. “*Bọn tê giác có một bộ giáp rất dày. Ai chẳng tưởng có bộ giáp ấy thì sung sướng: con vật chẳng còn sợ gì tên đạn và gai rùng. Ngờ đâu, ở kẻ những mảng giáp, lớp da của nó chẳng dày gì hơn da trâu. Không hiểu vì*

*sao mà bọ ve và bọ mắt biết được điều đó. Bọn chúng thật ranh mãnh. Chúng ẩn náu sau những nếp gấp của da. Được hơi nóng sưởi ấm, chúng sinh nở đầy đàn và thỏa thích hút máu*” [21;36]. Tê giác bị bọ ve, bọ mắt đốt, nó ngứa ran nhưng chẳng làm cách nào được. “*Con vật cuồng lên, thờ hồng hộc, giận dữ lao qua các lùm cây, chiếc sừng bướng bỉnh mọc trên mũi nó chĩa ra phía trước để mở đường. Cành cây gãy rãng rác, lá khô và sỏi đá bắn vung dưới chân nó. Nhưng con ngựa vẫn không hết. Tê giác đứng lại, cựa mình vào thân cây. Cây rung bần bật. Vỏ cây nhẵn đi, da con vật bị mài mòn song con ngựa thì không bao giờ dứt*”. Mùa đông qua đi, rồi mùa xuân đến, rừng lại xanh lá và tràn đầy thức ăn. Bọn sáo đen và sáo sậu trở về, tê giác già sung sướng. “*Đời đẹp biết bao nếu có bạn bè để yêu mến và trông đợi. Nó chom chớp cặp mắt nhỏ ... giọng ồm ồm nhưng đầy thương mến... Các bạn đi những đâu mà biệt biệt thế?*” [21;37]. Sự mong đợi của tê giác được đáp trả. Bọn sáo sậu xuống đậu trên lưng tê giác rồi chúng luồn mó vào các nếp da, giúp tê giác bắt những con bọ ve, bọ mắt béo căng. Cuối truyện, nhà văn Vũ Hùng đã khẳng định: “*Trong rừng không thiếu những cặp bạn bè như vậy. Tê giác và trâu rừng kết bạn với bọn sáo. Lũ heo vòi có cái vòi ngắn ngắn thì kết bạn với bọn cò gà. Heo vòi thường kiếm ăn trên các bờ suối và đầm lầy, có bọn cò gà đỗ trên lưng. Nếu kẻ thù lại gần khi chúng đang ăn, cò gà sẽ bay tủa lên báo cho chúng biết. Từ bao đời nay, tình bạn giữa chúng vẫn khăng khít và bền chặt*” [21;39].

Thông qua thế giới loài vật, nhà văn Vũ Hùng muốn gửi gắm những triết lí sống đến với con người. Mỗi trang sách của ông là một câu chuyện, một khía cạnh nhỏ của thế giới thiên nhiên. Cách sinh tồn của mỗi loài vật là một bài học rút ra từ những kinh nghiệm quan sát thực tế. Bằng sự hiểu biết, kiến thức và khả năng quan sát tài tình, Vũ Hùng đã mở ra cho người đọc một không gian sinh tồn độc đáo và mới mẻ. Các loài vật sống với nhau thông qua một quy luật thiên nhiên được quy định sẵn mà nhà văn gọi là “trật tự rừng xanh”. Cái được gọi là “trật tự rừng xanh” mà nhà văn thể hiện một cách sinh động mà sâu sắc qua tác phẩm thực sự là những bài học mà con người cần nhìn lại bởi tính nhân văn và sự khôn ngoan của muôn thú trước qui luật sinh tồn của tự nhiên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lã Thị Bắc Lý (2008), *Văn học thiếu nhi Việt Nam thời kì hội nhập*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;
2. Nhiều tác giả (2009), *Kỹ yếu Hội thảo Những ảnh hưởng của văn học thiếu nhi đến sự phát triển nhân cách trẻ em trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Đại học Sư Phạm Hà Nội;
3. Võ Quảng (1987), *Mấy suy nghĩ về đặc trưng và chức năng giáo dục của văn học thiếu nhi*, Tạp chí Văn học, số 1;
4. Vân Thanh (Chủ biên) (2002), *Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam tập 1 Tổng quan* Nxb Từ điển bách khoa Hà Nội, Nxb Giáo dục;
5. Vũ Hùng (2015), *Chú ngựa đồng cỏ*, Nxb Kim Đồng;
6. Vũ Hùng (2015), *Giữ lấy bầu mật*, Nxb Kim Đồng;
7. Vũ Hùng (2015), *Mái nhà xưa*, Nxb Kim Đồng;
8. Vũ Hùng (2015), *Bầy voi đen*, Nxb Kim Đồng;
9. Vũ Hùng (2015), *Con culi của tôi*, Nxb Kim Đồng;
10. Vũ Hùng (2015), *Sao sao*, Nxb Kim Đồng;
11. Vũ Hùng (2015), *Sống giữa bầy voi*, Nxb Kim Đồng;
12. Vũ Hùng (2015), *Con voi xa đàn*, Nxb Kim Đồng;
13. Vũ Hùng (2015), *Người quân tượng và con voi chiến sĩ*, Nxb Kim Đồng;
14. Vũ Hùng (2015), *Những kẻ lưu lạc*, Nxb Kim Đồng;
15. Vũ Hùng (2015), *Biển bạc*, Nxb Kim Đồng;
16. Vũ Hùng (2015), *Chim mùa*, Nxb Kim Đồng;
17. Vũ Hùng (2015), *Phía Tây Trường Sơn*, Nxb Kim Đồng;
18. Vũ Hùng (2015), *Chim mùa*, Nxb Kim Đồng;
19. Vũ Hùng (2015), *Bí mật của rừng già*, Nxb Kim Đồng;
20. Vũ Hùng (2015), *Mùa săn trên núi*, Nxb Kim Đồng;
21. Vũ Hùng (2015), *Phượng hoàng đất*, Nxb Kim Đồng;
22. Vũ Hùng (2015), *Vườn chim*, Nxb Kim Đồng.

## The order of green forest and lessons for humans in Vu Hung's stories

Le Thi Ngan, Pham Thi Luyen

---

### Article info

Received:  
04/7/2018  
Accepted:  
10/9/2018

Keywords:  
*The writer Vu Hung,  
children's stories, the  
world of animals,  
nature, the order of the  
green forest.*

---

---

### Abstract

In modern Vietnamese literature, Vu Hung is one of the few writers who has devoted his whole life to pursuing an array of topics for children. Life and order in the green forest are depicted lively, vividly, authentically and imaginably. Readers can find in his stories with the subject of the animal community, the lesson of how to well behave for human society itself: respecting each individual in accordance with the nature law in order to maintain the existence of one's self and the next generation; the change to adapt; each specie is responsible for preserving the habitat to sustain its life and its species; the meeting and rescue and assistance, etc.

---